TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH H** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ - ST
Ngày 17/8/2018
"V/V Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH H
Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Li

- Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vũ Văn H
2/ Bà Nguyễn Thị H

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q – Thư ký

- Đại diện VKSND TP H, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên

Ngày 17/8/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án về tranh chấp ly hôn thụ lý số: 95/2018/TLST – HNGĐ ngày 25/6/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 01/8/2018 giữa các đương sự:

***/- Nguyên đơn:** anh Trần Văn C, sinh năm 1989.

- HKTT: Thôn Q, xã T, TP H.

***/- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng C –
- HKTT: Số 90/5, Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:
1- Cháu Trần Đức L, sinh ngày 03/8/2014- Vắng mặt có lý do
HKTT: Thôn Q, xã T, TP H, tỉnh H.
Người đại diện cho cháu L: Anh Trần Văn C (Bố đẻ của cháu L);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Anh Trần Văn C với chị Nguyễn Thị Hồng C quê ở số 90/5, Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng

ký kết hôn tại UBND xã T, TP H 12/9/2013. Sau khi kết hôn xong vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C tại thôn Q, xã T, TP H một thời gian sau đó vợ chồng anh chị đưa nhau đi vào Nam làm, lắp đường ống phòng cháy chữa cháy nay chỗ này, mai chỗ khác. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Nguyên nhân là do cuộc sống không ổn định nay đây mai đó và kinh tế khó khăn. Do mâu thuẫn nên chị Nguyễn Thị Hồng C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại số 90/5, Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh B từ tháng 02/2016 sống ly thân với anh C từ đó cho tới nay cả hai bên anh chị không hề quan tâm gì tới nay nữa. Chị C cũng có ý định ly hôn anh C và đã thông báo cho anh C biết và anh C cùng chị C đã thống nhất đề nghị TAND thành phố H giải quyết và chị C đã làm đơn lựa chọn TAND thành phố H giải quyết việc ly hôn của hai anh chị.

Nay anh C xác định không còn tình cảm gì với chị C nữa, hai bên đã sống ly thân nhau đã lâu không hề quan tâm gì tới nhau nữa, nên anh đề nghị TAND thành phố H giải quyết cho anh được ly hôn với chị C để giải phóng cho cả hai bên. Chị C có quan điểm nhất trí ly hôn với anh C.

- Về con chung: Anh C và chị C khẳng định có 01 con chung là cháu Trần Đức L – Sinh ngày 03/8/2014 hiện đang ở với anh C.

Anh C có quan điểm, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh xin được nuôi cháu Lập và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị C có quan điểm là nhất trí với quan điểm của anh C.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Anh Công và chị Cẩm đều khẳng định là vợ chồng không có gì, nên cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C và anh xin được cháu Trần Đức L, không yêu cầu chị C phải đóng góp nuôi con chung cho anh. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp anh C khẳng định là không có gì, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng C có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên quan điểm trong biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2018 (BL 38).

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa

hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử. Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

- Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoan sơ thẩm: Không

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình, điều 147 và điều và 227 - BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh C, cho anh C được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh C và chị C, giao cháu Trần Đức L, sinh ngày 03/8/2014 cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đức L cho anh.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Anh C và chị C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Buộc anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Anh Trần Văn C và chị Nguyễn Thị Hồng C, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, TP H, tỉnh H vào ngày 12/9/2013, hôn nhân này là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn C, thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của anh C và chị C cùng kết quả điều tra, xác minh thì thấy tình trạng hôn nhân của anh C và chị C, thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, thì xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Nguyên nhân là do cuộc sống không ổn định, nay đây mai đó và kinh tế khó khăn tính tình và quan điểm sống của hai anh chị không hợp nhau. Do cãi nhau căng thẳng nên vào khoảng tháng 02/2016 anh C và chị C đã sống ly thân nhau từ đó cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa, phù hợp với lời khai của bố đẻ anh C là ông Trần Danh T và cung cấp của bà Đoàn Thị Y – cán bộ tư pháp xã T (BL 24 - 25).

Anh C xin ly hôn, quan điểm của chị C trong biên bản lấy lời khai cũng đồng ý ly hôn với anh C.

Từ những căn cứ nhận định trên, nên đã có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn của anh C và chị C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 - LHNGĐ, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn C, cho chị anh C được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh C và chị C, giao cháu Trần Đức L cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đức L cho anh.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Anh C và chị C đều có quan điểm, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147 và điều 227- BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

***/- <u>Tuyên xử</u>**:

1. **Về qun hệ hôn nhân:** Cho anh Trần Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng C.

2. **Về con chung**: Chấp nhận sự tự nguyện của anh C và chị C, giao cháu Trần Đức L cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đức L cho anh.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Đức L không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Anh C và chị C đều có quan điểm không đề nghị giải quyết Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000124 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H (Anh C đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn anh C có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn chị C vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND xã M, huyện T, tỉnh B.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa

Đỗ Quang L

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố H.*
- *Chi cục THADS T.P H.*
- *Phòng kiểm tra và thi hành án TAND tỉnh H.,*
- *UBND xã Tân Hưng, TP H.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*